

Số: /QĐ-SYT

An Giang, ngày 15 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 của Văn phòng Sở Y tế An Giang

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ AN GIANG

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh An Giang;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 1312/QĐ-SYT ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của Kế toán trưởng Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai điều chỉnh số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của Văn phòng Sở Y tế An Giang để bổ sung cho Trung tâm Y tế huyện Thoại Sơn thực hiện bảo dưỡng, cải tạo sửa chữa khoa Hồi sức cấp cứu và Trung tâm Y tế huyện Chợ Mới để thực hiện bảo dưỡng, cải tạo, sửa chữa trạm Y tế xã Long Giang theo biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Kế toán trưởng, lãnh đạo phòng Kế hoạch Tài chính và các phòng ban liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu :VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Trần Quang Hiền

Đơn vị: Sở Y tế An Giang

Chương: 423

DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- SYT ngày 15/11/2022 của Sở Y tế An Giang)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-844.590.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	-844.590.000
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-844.590.000
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-844.590.000
	<i>KP nâng cấp cơ sở hạ tầng các đơn vị trực thuộc</i>	<i>-844.590.000</i>
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	